

Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý dịch vụ tưới tiêu ở tỉnh Thái Nguyên

○ PHẠM VĂN NGỌC*, PHẠM NGỌC LƯU**, HOÀNG THÁI ĐẠI***

Trên cơ sở các tài liệu điều tra cơ bản, các số liệu thu thập được về công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Thái Nguyên, bài báo trình bày một số phân tích về hiện trạng quản lý các dịch vụ tưới tiêu của tỉnh. Bài báo đã nêu lên những khó khăn, tồn tại trong các hoạt động chủ yếu của công ty khai thác công trình thủy lợi tỉnh Thái Nguyên, các cơ sở chức năng nước trong tỉnh. Đồng thời, đưa ra một số kiến nghị về chính sách, tổ chức quản lý, cơ sở hạ tầng, tài chính, nâng cao nhận thức, công tác vận hành và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các dịch vụ tưới tiêu của tỉnh Thái Nguyên.

Công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi hiện nay được các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) và các tổ chức hợp tác dùng nước thực hiện. Doanh nghiệp KTCTTL là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích trong lĩnh vực cung cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp đảm nhiệm quản lý vận hành công trình đầu mối, kênh và công trình trên kênh chính, kênh cấp I và kênh liên xã. Tổ chức hợp tác dùng nước đảm nhiệm quản lý vận hành kênh và công trình trên kênh trong 1 xã, hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ trong 1 xã. Tổ chức hợp tác dùng nước thực hiện chức năng "cầu nối" giữa doanh nghiệp KTCTTL, chính quyền địa phương và các hộ nông dân trong việc cung cấp nước phục vụ sản xuất và đời sống.

Theo kết quả điều tra, đến nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện có 1.146 công trình thủy lợi lớn nhỏ, bao gồm 395 hồ chứa, 303 đập dâng, 214 trạm bơm tưới các loại, 01 trạm bơm tiêu, 233 phai đập tam, 1.848 km kênh tưới các loại, đã kiên cố hoá được 987 km.

Hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Thái Nguyên có nhiệm vụ bảo đảm nước tưới cho diện tích cây trồng, gồm: 23.500 - 24.000 ha lúa vụ xuân, 34.000 - 34.500 ha lúa vụ mùa, 15.250 ha cây trồng cạn như rau màu, ngô, đậu,... và tạo nguồn tưới 2.500 ha chè và 3.088 ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, đảm bảo cấp nguồn nước thô cho thành phố Thái Nguyên, cấp nước phục vụ dân sinh, kinh tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Trong những năm qua, các hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã có đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngành thủy lợi Thái Nguyên đã đạt được nhiều thành tựu trong việc cung cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, ngành thủy nông Thái Nguyên cũng đã gặp những khó khăn, tồn tại trong công tác quản lý, vận hành các hệ thống thủy nông, trong công tác tài chính, nhất là từ khi Nhà nước ban hành chính sách miễn giảm thủy lợi phí cho nông dân. Trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản, các tài liệu, số liệu thu thập được, các tác giả tiến hành phân tích, đánh giá khái quát hiện trạng quản lý dịch vụ tưới tiêu của tỉnh Thái Nguyên, chỉ ra những khó khăn, tồn tại trong hoạt động của ngành

* Cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

** Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

*** Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

thủy nông tỉnh, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dịch vụ tưới tiêu của tỉnh.

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nội dung nghiên cứu

Đánh giá hiện trạng quản lý hệ thống công trình thủy lợi cấp nước phục vụ tưới tiêu của tỉnh Thái Nguyên; Đánh giá hiện trạng hoạt động của Công ty KTCTTL tỉnh Thái Nguyên; Đánh giá tình trạng tài chính của Công ty KTCTTL tỉnh Thái Nguyên; Một số kiến nghị nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ tưới tiêu cho tỉnh Thái Nguyên.

Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng: tổng hợp tài liệu, phân tích, đánh giá hiện trạng công tác quản lý các hệ thống thủy lợi.

Sử dụng cách tiếp cận đáp ứng nhu cầu: nghiên cứu, khảo sát xuất phát từ nhu cầu thực tế của sản xuất và đời sống đối với dịch vụ tưới tiêu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Phân cấp quản lý tưới tiêu của tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Chương trình hành động đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý khai thác CTTL, UBND tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ CTTL trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 13/11/2006 nhằm tăng cường, chuyển giao quyền quản lý phân cấp công trình cho địa phương, phát huy ý thức, trách nhiệm của người dân, cộng đồng người sử dụng nước trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ CTTL.

Đánh giá hiện trạng quản lý hệ thống công trình thủy lợi cấp nước phục vụ tưới tiêu của tỉnh Thái Nguyên; Đánh giá hiện trạng hoạt động của Công ty KTCTTL tỉnh Thái Nguyên; Đánh giá tình trạng tài chính của Công ty KTCTTL tỉnh Thái Nguyên; Một số kiến nghị nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ tưới tiêu cho tỉnh Thái Nguyên.

động công ích sang mô hình Công ty TNHH MTV KTCTTL làm dịch vụ tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp theo phương thức tỉnh đặt hàng hoặc giao kế hoạch. Công ty tập trung chủ yếu vào công tác quản lý vận hành và duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi chính. Trên địa bàn quản lý, Công ty hiện đã bố trí công nhân vận hành và công nhân thủy nông hệ thống, nhưng chưa có công nhân thủy nông chuyên làm nhiệm vụ quản lý và duy tu bảo dưỡng kênh và các công trình trên kênh.

Công ty có các chức năng chính sau: Hoạt động công ích: Quản lý, khai thác và bảo vệ các hệ thống CTTL; quản lý và phân phối nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác trên địa bàn phụ trách của hệ thống. Sản xuất kinh doanh khác: làm chủ đầu tư trong việc duy tu, bảo dưỡng các CTTL; khảo sát thiết kế và thi công xây dựng các CTTL và một số hoạt động theo quy định của các văn bản pháp quy hiện hành.

Hiện trạng hoạt động của Công ty KTCTTL Thái Nguyên

Số liệu khảo sát cho thấy, tình hình tài chính của hầu hết các doanh nghiệp quản lý KTCTTL đều nằm trong tình trạng khó khăn, thu không đủ chi, nợ đọng chồng chất và kéo dài, số nợ không có khả năng thanh toán ngày càng lớn. Tình trạng nợ vòng vèo, dây dưa đã trở thành căn bệnh khó chữa trị, doanh nghiệp nợ ngành điện, nợ lương công nhân, ... Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do cơ chế bất cập, nhất là chính sách về tài chính như: Doanh nghiệp mua các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất theo cơ chế thị trường,

trong khi đó Nhà nước quy định giá sản phẩm đầu ra (mức thu thủy lợi phí) nhưng lại không có cơ chế cấp bù hợp lý nên doanh nghiệp luôn trong tình trạng mất cân đối thu chi. Nguồn thu chính là thủy lợi phí hàng năm, trong khi nhu cầu chi phí cho dịch vụ tưới tiêu là rất lớn, các doanh nghiệp thường ưu tiên cho chi phí tiền lương và các khoản theo lương cho cán bộ, công nhân viên (đối với các doanh nghiệp, các tỉnh miền núi thuộc diện miễn, giảm TLP thì nguồn thu TLP cũng không đủ trả lương cho cán bộ, công nhân viên), phần kinh phí còn lại (thường nhỏ) mới dành cho chi phí điện năng cho tưới tiêu (đối với các doanh nghiệp tưới tiêu bằng động lực hoặc động trọng lực kết hợp), duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa công trình. Điều này dẫn đến kinh phí cho bảo dưỡng và sửa chữa công trình không đảm bảo, công trình bị xuống cấp, sửa chữa chắp vá, có đến đâu làm đến đó.

Cũng như tình trạng chung của hầu hết các công ty khai thác thủy lợi trong cả nước, hoạt động vận hành và duy tu bảo dưỡng hầu như ít được quan tâm, việc thực hiện chủ yếu dựa trên kinh nghiệm, đến khi hỏng mới sửa. Việc xây dựng kế hoạch hàng năm chủ yếu dựa vào kế hoạch của năm trước đó và các chỉ tiêu được tỉnh, huyện giao. Do rất nhiều lý do, việc xác định mức dịch vụ, yêu cầu về dịch vụ tưới tiêu chưa thực hiện được. Trong đó các nguyên nhân chính là do Công ty KTCTTL thiếu công cụ, phương tiện quản lý cũng như trình độ cán bộ công nhân viên còn chưa đáp ứng yêu cầu.

Từ năm 2006 việc thu thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quyết định số 2537/QĐ-UBND

ngày 13/11/2006 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Toàn bộ số tiền thu từ thủy lợi phí được để lại cho các địa phương. Nguồn thu của Công ty chủ yếu do ngân sách cấp bù theo kế hoạch được duyệt hàng năm. Tuy nhiên ngân sách cấp bù này rất hạn chế, chỉ đáp ứng chi lương, bảo hiểm của cán bộ và một số hoạt động hành chính của Công ty. Thực tế hiện nay các doanh nghiệp thường tự cân đối thu, chi (lấy thu bù chi) do nguồn kinh phí cấp bù là rất ít và chưa đủ dẫn đến công trình không được trích khấu hao, không đủ kinh phí cho sửa chữa thường xuyên và bảo dưỡng công trình. Hơn nữa cơ sở cho việc cấp bù kinh phí hàng năm đối doanh nghiệp chưa có, đặc biệt là thiếu bộ định mức kinh tế kỹ thuật đối với công tác quản lý KTCTTL. Điều đó trực tiếp dẫn đến sự thiếu thốn, lạc hậu của các trang thiết bị làm việc, cũng như không thể thực hiện xây dựng, mở rộng cải tiến nâng cấp các thiết bị kỹ thuật đã có của công trình kênh mương và công tác vận hành duy tu bảo dưỡng hệ thống công trình không được đầu tư phù hợp.

Một số tồn tại trong công tác quản lý KTCTTL của Công ty

1. Hiện nay, mức thu thủy lợi phí do tỉnh Thái Nguyên quy định còn thấp hơn so với khung quy định của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP. Công tác thu thủy lợi phí còn phức tạp, việc chi cho công tác thu còn khá cao. Mặc dù việc tỉnh giao cho các địa phương tự thu và chi tại cơ sở cấp huyện, xã là hợp lý trong điều kiện quản lý hiện nay ở tỉnh, nhưng tổ chức tổ, đội thủy nông cơ sở chưa đủ mạnh nên gặp nhiều khó khăn. Vì vậy ngoài việc cần phải nâng cao năng lực cho Công ty cũng cần phải

tăng cường năng lực cho các tổ chức thủy nông cơ sở nhằm từng bước hoàn chỉnh quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng toàn hệ thống tưới tiêu và huy động cao nhất sự tham gia của cộng đồng trong công tác này.

2. Như đã nói trên, tất cả thủy lợi phí thu được (trung bình khoảng gần 1 tỷ đồng/năm) được để lại các huyện phân phối lại cho các tổ chức dùng nước địa phương. Nguồn kinh phí cho các hoạt động quản lý vận hành duy tu, bảo dưỡng của Công ty chủ yếu do nguồn ngân sách Nhà nước cấp hàng năm (trung bình khoảng 3 tỷ đồng). Số kinh phí này rất hạn chế, không đáp ứng nhu cầu thực tế, nên Công ty luôn trong tình trạng mất cân đối về tài chính. Điều này dẫn đến các công trình ngày càng hư hỏng xuống cấp, phương tiện quản lý vận hành đã nghèo nàn lại không được bổ sung, nâng cấp. Trong khi đó một số chính sách của Nhà nước lại gây ảnh hưởng đến tính tự chủ của Công ty, cụ thể là: Công ty phải tuân thủ đầy đủ các chính sách do Nhà nước ban hành, ví dụ như: giá thủy lợi phí, tiền nước, chính sách tiền lương, bảo hiểm, chính sách khen thưởng phúc lợi; Nhà nước ban hành chính sách trợ cấp nhưng chưa thực hiện đầy đủ chính sách đã ban hành; Các vấn đề thiếu hụt về tài chính, tổn đọng nợ trong một thời gian dài chưa được xử lý triệt để; Chính sách về quản lý tài chính của Nhà nước còn một số vấn đề thiếu hợp lý: Chế độ trích lập quỹ phúc lợi, khen thưởng, chế độ công khai tài chính, chính sách giá thủy lợi phí.

Về năng lực quản lý tài chính ở Công ty

Hiệu quả công tác quản lý tài

chính chưa cao do: Thiếu cán bộ có đủ trình độ và kinh nghiệm. Tính tự chủ, độc lập chưa được phát huy đầy đủ; Ít được tham gia tập huấn nâng cao và cập nhật nghiệp vụ, thiếu kiến thức về tin học, thiếu phương tiện làm việc và chưa có phần mềm kế toán; Chưa thực sự quan tâm đúng mức đối với các biện pháp tăng thu giảm chi; Còn có nhiều hạn chế trong quản lý tài sản, kế hoạch tài chính, quản lý định mức, phân tích tài chính;

Về năng lực quản lý tài chính ở các tổ chức dùng nước (TCDN)

Nguồn tài chính của các TCDN chỉ có từ thủy lợi phí, năng lực quản lý cũng rất hạn chế do: Quản lý tài chính không dựa vào các chuẩn mực cụ thể nào; Năng lực và trình độ kế toán không đáp ứng yêu cầu; Không được đào tạo về nghiệp vụ.

Đánh giá đúng thực trạng quản lý tài chính của Công ty và các tổ chức dùng nước, tìm ra các điểm hạn chế, đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp khắc phục nhằm tăng khả năng tự chủ về tài chính và cân bằng thu chi ở Công ty, các tổ chức dùng nước là nhu cầu cấp thiết.

Một số khó khăn, thách thức khi thực hiện miễn thủy lợi phí

Khi thực hiện miễn thủy lợi phí (hay nói cách khác Nhà nước trả thay thủy lợi phí cho nông dân) sẽ là cơ hội cho cả người cung cấp dịch vụ và người được hưởng dịch vụ, tuy vậy cũng có những khó khăn, thách thức cần phải giải quyết: Cảnh xin cho có tái diễn? Nông dân xin công ty, xí nghiệp để được cung cấp nước theo yêu cầu chính đáng của họ. Công ty, xí nghiệp xin cơ quan có

thẩm quyền để được miễn phí đầy đủ, kịp thời? Cách tính thủy lợi phí theo diện tích tưới hiện nay có chưa khuyến khích người dùng nước tiết kiệm. Khi người nông dân không phải trả tiền nước, họ có dùng nước tiết kiệm? Tiếng nói của người nông dân có được coi trọng khi mà họ không phải trả tiền cho dịch vụ thủy nông, hay thực chất là được "cho nước"? Làm thế nào để bảo đảm rằng các công ty KTCTTL sử dụng kinh phí đúng mục đích, công trình được nâng cấp, sửa chữa duy tu bảo dưỡng tốt, đặc biệt khi mà vai trò làm chủ và giám sát của người nông dân giảm đi, khi mà hiện nay đánh giá hiệu quả tưới chưa được áp dụng ở hầu khắp các công trình thủy lợi? Làm thế nào để bảo đảm cân bằng bằng việc cấp kinh phí giữa công trình do công ty KTCTTL với công trình do các tổ chức tập thể hoặc hội dùng nước quản lý? Các công trình thủy lợi vừa và nhỏ ở miền núi hiện nay do các địa phương quản lý. Công tác duy tu bảo dưỡng rất kém, một phần do không thu thủy lợi phí hoặc thu được ít, mặt khác do năng lực quản lý kém. Ai sẽ quản lý các công trình thủy lợi này trong tương lai? Có cần thiết lập lại các Công ty KTCTTL?

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Để tạo điều kiện cho công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi ngày càng tốt hơn, phát huy hiệu ích của từng công trình thủy lợi đã được đầu tư xây dựng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Đề nghị UBND tỉnh, các ngành chức năng quan tâm đến công tác quản lý khai thác CTTL. Cụ thể một số nội dung sau:

1. Hỗ trợ thủy lợi phí: Thực hiện chính sách Nhà nước miễn thủy lợi phí cho nông dân theo đúng quy định của Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP; Đề nghị Nhà nước, các ngành chức năng cấp bù thủy lợi phí cho các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực quản lý khai thác và bảo vệ CTTL ngay từ đầu năm và theo các quý trong năm để các công ty, đơn vị có kinh phí tổ chức thực hiện theo kế hoạch được giao.

2. Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật:

Đó là cơ sở để lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính và quản lý kế hoạch hàng năm; Làm cơ sở để thanh quyết toán các khoản mục chi phí theo kết quả sản xuất.

Từng bước xã hội hoá công tác thủy nông trong lĩnh vực cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch theo quy định tại Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ và Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Để giúp cơ quan quản lý Nhà nước duyệt kế hoạch sản xuất và sử dụng lao động, thanh quyết toán chi phí, xác định mức cấp bù cho doanh nghiệp, đơn vị sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo Nghị định số 143/2003/NĐ-CP; và Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày

21/01/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Đảm bảo công ty tự chủ về tài chính, cân bằng được thu chi trong quá trình tổ chức thực hiện các dịch vụ, từ đó làm cho chất lượng các dịch vụ tốt hơn.

Một số kiến nghị trong bối cảnh mới

Để các bên tận dụng được lợi thế khi Nhà nước miễn thu thủy lợi phí cho nông dân, đồng thời khắc phục được những khó khăn, thách thức nêu trên, cần có những giải pháp, cụ thể.

Về chính sách: Thủy lợi phí đã tồn tại và ăn sâu vào tiềm thức của nông dân Việt Nam, đã được ghi vào các văn bản pháp quy của nhà nước từ Luật Tài nguyên nước cho đến Pháp lệnh Khai thác Bảo vệ công trình thủy lợi. Khi tổ chức, cá nhân sử dụng nước, làm dịch vụ về nước từ công trình thủy lợi cho mục đích sản xuất nông nghiệp không phải nộp thủy lợi phí thì các văn bản trên và một số các văn bản khác có liên quan cần được chỉnh sửa và bổ sung cho phù hợp.

Về tổ chức quản lý:

Hoàn thiện và tăng cường hệ thống tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH MTV KTCTTL Thái Nguyên.

Tăng cường phân cấp quản lý, thúc đẩy sự tham gia của người dân (cộng đồng) trong việc quy hoạch, xây dựng và quản lý khai

thác công trình thủy lợi. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tham gia vào công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi. Cần có những quy định rõ ràng về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Tăng cường mối quan hệ giữa nhà cầm quyền người cung cấp dịch vụ và người được hưởng dịch vụ nước thông qua các hợp đồng quản lý.

Về hạ tầng cơ sở

Hoàn chỉnh và nâng cấp các công trình thủy lợi, đặc biệt các công trình thủy lợi ở miền núi, chú trọng khâu thiết kế và quản lý chất lượng xây dựng để công trình được bền vững. Chú ý đến hạ tầng cơ sở kỹ thuật sang giai đoạn nâng cấp hiện đại hóa (hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật và hiện đại hóa quản lý).

Thực hiện quy hoạch và quản lý sử dụng đất đai, rừng, mặt nước và các tài nguyên thiên nhiên khác một cách hợp lý, bảo đảm không bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm môi trường.

Về tài chính:

Vận dụng linh hoạt nguyên tắc Nước có giá trị kinh tế trong mọi dạng sử dụng cạnh tranh và cần được thừa nhận là một hàng hóa kinh tế.

Mức thủy lợi phí cần quy định linh hoạt, theo cơ chế thị trường, đảm bảo tính đúng, tính đủ các chi phí cho quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng...

Có thể có một số cách cấp bù sau để bảo đảm nguyên tắc quản dụng nước phải trả tiền nước theo phương thức:

+ Tiến Nhà nước chi cho quản lý thủy nông được gửi tại một ngân hàng nhất định. Thông qua hợp đồng dịch vụ, hai bên xác nhận nghiệm thu, thanh lý từng vụ hoặc cả năm để đánh giá chất lượng dịch vụ, từ đó bên cung cấp dịch vụ nhận tiền từ ngân hàng;

+ Người dùng nước trả tiền cho người cung cấp dịch vụ sau đó mang giấy biên nhận để thanh toán tại một ngân hàng quy định.

Về nhận thức và năng lực quản lý vận hành:

Tinh giảm bộ máy nhân sự, tăng cường năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng của đội ngũ quản lý vận hành, cơ sở vật chất, trang thiết bị quản lý, hiện đại hoá công tác quản lý.

Nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực của các tổ chức HTDN và trách nhiệm người dân trong sử dụng tiết kiệm nước, quản lý, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi thông qua các chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ chức HTDN để quản lý vận hành công trình đúng, hiệu quả, tăng tuổi thọ công trình.

Thông qua việc sử dụng, quản lý nước công bằng và hiệu quả, mở rộng tưới tiêu, vận dụng linh hoạt các nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên nước, tận dụng tốt cơ hội, tăng cường phát triển quản lý tưới. Sự phát triển này tạo thuận lợi cho một nền nông nghiệp bền vững, dẫn đến cơ hội tạo ra thu nhập và đóng góp cho công cuộc xoá nghèo tại khu vực nông thôn. ■